

Cẩm Pha, ngày 17 tháng 11 năm 2022

CÔNG KHAI MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2022-2023 VÀ DỰ KIẾN CHO CẢ CẤP HỌC

Căn cứ thông tư số: 36/2017/TT-BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2017, ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2021/NQ-HDND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ văn bản số 3025/HD-SGDDT của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 22/10/2021 về Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HDND.

Căn cứ công văn số 3317/SGDDT-KHTC ngày 17/11/2022 về việc thẩm định khoản thu, mức thu và dự toán thu chi các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2022-2023;

Căn cứ Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học.

Tường THPT Mông Dương công khai thu năm học 2022 - 2023 cụ thể như sau:

Khoản thu	Đối tượng	Định mức/Hs	Số tháng	Tổng số tiền	Dự kiến thời gian thu	Mục đích sử dụng	Nội dung chi	Các thông tin khác	Dự kiến cho cả cấp học	
									Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Bảo hiểm y tế	Học sinh khối 10	46.935	12	563.220	Thu 1 lần vào tháng	Nộp về BHYT. Phần trích lại chi	Chi mua thuốc, vật tư y tế phục vụ sơ cấp cứu; Chi mua trang thiết bị y tế thông thường, tủ tài	Đối với học sinh thuộc gia đình nông, lâm, ngư,	Thu theo hướng dẫn của BHXH	Thu theo hướng dẫn của BHXH
	Học sinh khối 11	46.935	12	563.220						
	Học sinh khối 12	46.935	9	422.415						
Học phí	Học sinh học trực tiếp	300.000	9	2.700.000	Thu lần 1 vào tháng 10; lần 2 vào tháng 1	Cùng nguồn ngân sách chi hoạt động thường xuyên của nhà trường	Chi tiền lương, tiền công; Chi mua sắm, sửa chữa thiết bị, tài sản, chi công tác phí, tập huấn, điện nước, nghiệp vụ chuyên môn.....	Năm học 2021-2022 được Tỉnh hỗ trợ học phí (theo NQ 01)	80% mức 300.000 đồng	80% mức 300.000 đồng
	Học sinh đi xe đạp, xe máy điện	40.000	9	360.000	Thu lần 1 vào tháng 10; lần 2 vào tháng 1	Thỏa thuận với cha mẹ học sinh để phục vụ trực tiếp cho học sinh.	Chi công trông coi phương tiện; Chi nộp thuế theo quy định; Chi cho cán bộ quản lý; Chi mua dụng cụ vật tư phục vụ trông xe.		40.000	40.000
	Học sinh đi xe đạp thường	30.000	9	270.000					30.000	30.000
Nước uống của học sinh	Học sinh nhà trường	10.000	9	90.000	Thu 1 lần vào tháng 5	Thỏa thuận với cha mẹ học sinh để phục vụ trực tiếp cho học sinh.	Chi mua nước uống cho học sinh; Chi công cấp phát nước uống; Chi mua giá để cốc, cốc uống nước.	Thực hiện thu theo thực tế số nước học sinh sử dụng.	10.000	10.000

